

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35 /2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 19/6/2019.

“V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Thanh Quang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Nguyễn Anh Trí

2. Ông Thông Văn Đá

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2019/TLST-HNGĐ ngày 30/01/2019, về việc: “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/5/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 51/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03/6/2019 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị K - sinh năm 1988 (Có mặt)

***Bị đơn:** Anh Nguyễn Minh Q – Sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã H, huyện H1, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/01/2019 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày: Tôi và anh Nguyễn Minh Q cưới nhau vào năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Việc cưới nhau là do hai bên tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng sống tại nhà chồng tại Thôn 5, xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Vợ chồng sống hạnh phúc được 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Nguyễn Minh Q đi làm thợ hồ có tiền nhưng không đưa cho tôi để nuôi con và lo cho gia đình, tôi và anh Q không hợp ý nhau hay cãi nhau nhiều lần, anh Q và tôi không còn tình yêu. Tôi tự ý về nhà mẹ tôi ở, vợ chồng không còn sống chung và quan hệ tình cảm từ đầu năm 2019 đến nay. Trong thời gian không sống chung thì không có liên hệ hàn gắn hạnh phúc. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay tôi không còn tình cảm gì với anh Q nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Minh Q.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con tên: Nguyễn Văn T- sinh ngày 11/9/2006; Nguyễn Thị Bích H2 – sinh năm 26/9/2008 và Nguyễn Thị Yến N – sinh ngày 22/11/2014. Hiện nay anh Q nuôi cháu Nguyễn Văn T còn chị nuôi hai cháu Nguyễn Thị Bích H2 – sinh năm 26/9/2008 và Nguyễn Thị Yến N – sinh ngày 22/11/2014. Khi ly hôn, chị đồng ý giao cháu T cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng, còn chị nuôi cháu N và cháu H2, yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con cho cháu Nhi mỗi tháng 700.000đ (Bảy trăm ngàn đồng) cho đến khi cháu Nhi đủ 18 tuổi.

Về tài sản và nợ: Không có không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Minh Q vắng mặt nên không có trình bày gì.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án cùng chính quyền địa phương đã nhiều lần đến nhà anh Nguyễn Minh Q để tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh không đến Tòa án huyện để cung cấp tài liệu chứng cứ gì nhằm bảo vệ quyền lợi của ông nên không thể tiến hành các thủ tục tố tụng như lập biên bản về việc tiếp nhận công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: Sự vắng mặt của anh Nguyễn Minh Q không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa, anh Nguyễn Minh Q đã được Tòa án giao các văn bản tố tụng nhưng ông đã không đến Tòa, chứng tỏ ông đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng, không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, nên Tòa đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Minh Q.

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/5/2019 đã ghi quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”, qua thẩm tra tài liệu chứng cứ và các đương sự xác định yêu cầu của mình tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng đây là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc có thẩm quyền giải quyết.

2. Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử phân tích như sau: Theo lời khai của chị Nguyễn Thị K, anh Nguyễn Minh Q và các tài liệu có tại hồ sơ thì chị K và anh Q chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hàm Liêm nên là hôn nhân hợp pháp. Chị K khai nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng là do anh Nguyễn Minh Q đi làm về không đưa tiền nuôi con, không hợp ý hay cãi nhau nhiều lần, tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án anh Q không hợp tác, cung cấp chứng cứ để bảo vệ hôn nhân của anh. Từ nguyên nhân nêu trên Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân của chị K và anh Q mâu thuẫn rất trầm trọng. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị K.

3. Về con chung: Chị Nguyễn Thị K khai phù hợp các tài liệu có tại hồ sơ là vợ chồng có 03 con là: Nguyễn Văn T- sinh ngày 11/9/2006; Nguyễn Thị Bích H2 – sinh năm 26/9/2008 và Nguyễn Thị Yến N – sinh ngày 22/11/2014. Hiện nay anh Q nuôi cháu Nguyễn Văn T, còn chị Khánh nuôi cháu Nguyễn Thị Bích H2 – sinh năm 26/9/2008 và Nguyễn Thị Yến N – sinh ngày 22/11/2014. Khi ly hôn chị K đồng ý giao cháu Nguyễn Văn T cho anh Q nuôi dưỡng còn chị nuôi cháu Nguyễn Thị Bích H2 – sinh năm 26/9/2008 và Nguyễn Thị Yến N – sinh ngày 22/11/2014, chị K yêu cầu anh Q cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Thị Yến N mỗi tháng 700.000đ cho đến khi cháu N trưởng thành. Xét thấy việc chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi con và buộc ông Q cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Thị Yến N mỗi tháng 700.000đ cho đến khi cháu N trưởng thành phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

4. Về tài sản và nợ: Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Minh Q không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị K là nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Nguyễn Minh Q không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nhưng phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

- Điều 9, Điều 51, Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

- Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị K đối với anh Nguyễn Minh Q. Chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Minh Q.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn T cho anh Nguyễn Minh Q nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Thị Bích H2 – sinh năm 26/9/2008 và Nguyễn Thị Yến N – sinh ngày 22/11/2014 cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Minh Q và chị Nguyễn Thị K có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Minh Q phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Yến N mỗi tháng 700.000đ (Bảy trăm ngàn đồng) cho đến khi cháu N trưởng thành.

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày giải quyết sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về án phí, lệ phí:

Chị Nguyễn Thị K là nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, chị Nguyễn Thị K đã nộp đủ 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0026389 ngày 30/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên không phải nộp nữa.

Anh Nguyễn Minh Q không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Nguyễn Minh Q phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Minh Q vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ung Thanh Quang